

Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương: 426

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
CỦA VĂN PHÒNG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP.HCM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT-KHTC ngày / / 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	10.296.778.000	10.296.778.000	-
1	Phí	2.567.050.000	2.567.050.000	-
2	Lệ phí	7.729.728.000	7.729.728.000	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-	-
1	Chi sự nghiệp	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ chuyên môn	-	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	10.296.778.000	10.296.778.000	-
1	Phí	2.567.050.000	2.567.050.000	
2	Lệ phí	7.729.728.000	7.729.728.000	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.075.654.774.306	1.075.654.774.306	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.075.654.774.306	1.075.654.774.306	-
1	Chi quản lý hành chính	77.125.825.280	77.125.825.280	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	45.507.482.140	45.507.482.140	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	31.618.343.140	31.618.343.140	
2	Chi hoạt động kinh tế	14.722.025.458	14.722.025.458	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.722.025.458	14.722.025.458	
3	Chi sự nghiệp môi trường	983.806.923.568	983.806.923.568	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	983.806.923.568	983.806.923.568	

3.2.1	Chi sự nghiệp môi trường	637.003.068	637.003.068	
3.2.2	Chi Dịch vụ vệ sinh môi trường	983.169.920.500	983.169.920.500	